

TIÊU CHUẨN NGÀNH

28 TCN 134:1998

CÁ NƯỚC NGỌT - CÁ GIỐNG - YÊU CẦU KỸ THUẬT

FRESHWATER FISH - FINGERLING - TECHNICAL REQUIREMENTS

Lời nói đầu

28 TCN 134:1998 "Cá nước ngọt - Cá giống - Yêu cầu kỹ thuật" do Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản I biên soạn, Vụ khoa học Công nghệ đề nghị, Bộ Thủy sản ban hành theo Quyết định số: 733/1998/QĐ-BTS ngày 17-12-1998.

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1.1. Đối tượng

Tiêu chuẩn này qui định chỉ tiêu chất lượng đối với cá giống của 8 loài cá nuôi nước ngọt là:

- Mè trắng (*Hypophthalmichthys molitrix-harmandii*),
- Mè hoa (*Aristichthys nobilis*),
- Trắm cỏ (*Ctenopharyngodon idella*),
- Trắm đen (*Mylopharyngodon piceus*),
- Trôi Việt (*Cirrhina molitorella*),
- Rôhu (*Labeo rohita*),
- Mrigal (*Cirrhinus mrigala*) và
- Rô Phi (*Oreochromis niloticus*).

1.2. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng trong phạm vi cả nước.

2. Yêu cầu kỹ thuật

2.1. Chất lượng cá giống phải theo đúng mức và yêu cầu qui định trong Bảng 1.

Bảng 1: Yêu cầu kỹ thuật đối với cá giống

Chỉ tiêu	Mè trắng	Mè hoa	Trắm cỏ	Trắm đen	Trôi Việt	Rô-hu	Mri-gal	Rô Phi
Ngoại hình	Cân đối không dị hình, vây vẩy hoàn chỉnh, không sây sát, Không bị mất nhớt, cỡ cá đồng đều.							
Trạng thái hoạt động	Hoạt bát, nhanh nhẹn, bơi chìm trong nước theo đàn							
Cá giống nhỏ	25 - 30			45-50	28-30	20 - 25		25 - 30
Thời gian ương từ cá hương (ngày)								
Chiều dài (cm)	4 - 6				4 - 5	4 - 6		3 - 4
- Khối lượng (g)	2 -3	3 - 4	4 - 5	3 - 4		4 - 6		2 - 3
Cá giống lớn	85 - 90			105 - 110		85 - 90		50 - 60
-Thời gian ương từ								

cá hương (ngày)					
- Chiều dài (cm)	10-12	12 - 15			8 - 10
- Khối lượng (g)	18-20	25-30	40-45	35-40	15 - 20
Mức cảm nhiễm bệnh	Không có dấu hiệu bệnh lý				

3. Phương pháp kiểm tra

3.1. Dụng cụ kiểm tra được qui định trong Bảng 2.

Bảng 2: Dụng cụ kiểm tra chất lượng cá giống

Dụng cụ	Qui cách, đặc điểm	Số lượng (cái)
1. Vợt cá giống	- Lưới mềm PA, không gút, mắt lưới 2a: 10mm - Đường kính vợt: 350 - 400mm	1
2. Thước đo	Có vạch chia chính xác đến 1,0mm	1
3. Cân	Loại 5kg, độ chính xác $\pm 20g$	1
4. Chậu hoặc xô sáng màu	Loại dung tích 10 lít	3
5. Lưới cá giống	- Lưới mềm PA, không gút, mắt lưới 2a: 10 mm - Dài: 50 m, cao 4 - 5 m	1
6. Giai chứa cá giống	- Lưới mềm PA, mắt lưới 2a: 10mm, - Kích thước giai: 3 x 5 x 1,5 m	1 - 2

3.2. Lấy mẫu

3.2.1. Lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu ngoại hình, trạng thái hoạt động và chiều dài.

Dùng vợt vớt ngẫu nhiên cá giống từ giai, hoặc lưới chứa rồi thả vào chậu, hoặc xô chứa sẵn 5 lít nước sạch.

- Số lượng mẫu cần lấy để kiểm tra cá giống nhỏ: 100 cá thể

- Số lượng mẫu cần lấy để kiểm tra cá giống lớn: 50 cá thể

3.2.2. Lấy mẫu kiểm tra chỉ tiêu khối lượng

Dùng vợt vớt ngẫu nhiên cá giống từ giai, hoặc lưới chứa rồi thả vào chậu, hoặc xô chứa sẵn 5 lít nước sạch. Lấy 3 lần mẫu trong đó có một mẫu vớt sát đáy. Mỗi mẫu phải có khối lượng lớn hơn 1000g.

3.3. Kiểm tra các chỉ tiêu

3.3.1. Ngoại hình, trạng thái hoạt động

Quan sát trực tiếp ngoại hình, trạng thái hoạt động của cá giống trong chậu, hoặc xô chứa với điều kiện ánh sáng tự nhiên. Đánh giá các chỉ tiêu chất lượng cá giống theo qui định trong Bảng 1.

3.3.2. Chiều dài

Sử dụng thước, hoặc giấy kẻ ly đo lần lượt chiều dài từng cá thể từ mút đầu đến cán đuôi với số lượng không ít hơn 50 cá thể đối với cá giống nhỏ và 25 cá thể đối với cá giống lớn. Số cá thể đạt chiều dài theo qui định trong Bảng 1 phải lớn hơn 80% tổng số cá đã kiểm tra.

3.3.3. Khối lượng

Trình tự thao tác và yêu cầu khi kiểm tra phải theo Điều 3.3.3. của 28TCN133:1998.

3.3.4. Mức cảm nhiễm bệnh

Lấy mẫu và kiểm tra mức cảm nhiễm bệnh của cá giống theo 28 TCN 101: 1997 do các cơ quan chức năng được Bộ Thủy sản chỉ định.

Tailieu.vn